

Bản án số: 192/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Mẫn; Ông Nguyễn Văn Trương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Kim Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGD ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phan Châu T**, sinh năm 1992; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Phan Châu T trình bày: Qua tìm hiểu anh và chị Huỳnh Kim T tiến đến hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G ngày 08/7/2013. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, chị T có quan hệ với người đàn ông khác và vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/9/2019 đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có hai người con chung tên Phan Huỳnh Quốc C, sinh ngày 03/4/2017 và Phan Huỳnh Kim H, sinh ngày 06/02/2013. Khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Chị Huỳnh Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh T, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Chị T đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị T; Về con chung giao cháu C và cháu H cho anh T trực tiếp nuôi, chị T không cấp dưỡng; Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì anh T chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Châu T khởi kiện xin ly hôn chị Huỳnh Kim T có nơi cư trú Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Huỳnh Kim T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, anh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị T.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh Phan Châu T và chị Huỳnh Kim T sống chung vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị T có quan hệ với người đàn ông khác và vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/9/2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết, chị T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh T,

nhưng chị T không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của chị T đối với anh T đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng và vợ chồng đã không còn sống chung từ cuối năm 2019. Xét thấy hôn nhân của anh T và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh T xin ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh T và chị T có hai người con chung tên Phan Huỳnh Quốc C, sinh ngày 03/4/2017 và Phan Huỳnh Kim H, sinh ngày 06/02/2013.

Xét thấy, qua lời trình bày của anh T và kết quả xác minh tại địa phương nơi anh T, chị T cư trú thì từ khi sinh ra cho đến nay cháu C và cháu H đều do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/2/2020, thì cháu H có nguyện vọng được sống với cha. Anh T hiện nay đang có công việc ổn định tại địa phương. Chị T vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Vì vậy, để cháu C và cháu H phát triển ổn định, toàn diện thì việc giao cháu C và cháu H cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, nên yêu cầu của anh T về việc nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh T và chị T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Phan Châu T phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Châu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Châu T được ly hôn với chị Huỳnh Kim T.

- Về quan hệ con chung: Anh Phan Châu T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Phan Huỳnh Quốc C, sinh ngày 03/4/2017 và Phan Huỳnh Kim H, sinh ngày 06/02/2013. Chị Huỳnh Kim T chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do anh T chưa có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí sơ thẩm: Anh Phan Châu T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 43541 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã B, thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu án ãn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy